

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-TTPVHCC Hải Phòng, ngày tháng 02 năm 2026
V/v rà soát, nâng cao thứ hạng của
thành phố trên Bộ chỉ số 766

Kính gửi:

- Các Sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân thành phố;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu.

Theo kết quả đánh giá, xếp hạng tại Bộ Chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (gọi tắt là Bộ chỉ số 766), tính từ ngày 01/01/2026 đến ngày 31/01/2026, thành phố Hải Phòng đạt **93.52 điểm, xếp thứ 11/34** tỉnh, thành phố. Nguyên nhân do một số Sở, ban, ngành và địa phương có kết quả đánh giá, xếp hạng thấp. Để bảo đảm nâng cao thứ hạng của Thành phố trên Bộ chỉ số 766, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu:

1. Chủ động rà soát, xác định nguyên nhân và có biện pháp khắc phục những chỉ số còn thấp để nâng cao kết quả xếp hạng của Thành phố trên Bộ chỉ số 766 (*Chi tiết, có Phụ lục kèm theo*). Đối với các thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung các Bộ, các Sở, ban, ngành có trách nhiệm chủ động, phối hợp với các địa phương báo cáo Bộ, ngành quản lý để kịp thời khắc phục những tồn tại, hạn chế (nếu có).

2. Đối với các cơ quan, địa phương trên địa bàn thành phố đang xếp ở nhóm cuối bảng xếp hạng, gồm: (1) các Sở, ngành: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Giáo dục và Đào tạo, Nội vụ; (2) các xã, phường: Ninh Giang, Thiên Hương, Vĩnh Am, Nguyễn Bình Khiêm, Đông Hải, Trường Tân, Hải An, Kê Sặt, Lê Ích Mộc, Hà Bắc... và Đặc khu Bạch Long Vĩ khẩn trương khắc phục ngay đối với những chỉ tiêu có điểm số thấp để nâng cao điểm số của đơn vị, không làm ảnh hưởng đến kết quả chung của Thành phố. Hoàn thành và báo cáo kết quả thực hiện gửi về Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố để tổng hợp trước **ngày 14/02/2026**.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố tiếp tục theo dõi, giám sát và tổng hợp kết quả thực hiện và báo cáo, tham mưu lãnh đạo Ủy ban nhân dân thành phố biện pháp xử lý đối với cơ quan chậm cải thiện điểm số trên Bộ chỉ số 766.

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương khẩn trương tổ chức, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND TP (để b/c);
- Các PCT UBND TP (để b/c);
- LĐ Văn phòng UBND thành phố;
- Lưu: VT, P.H. Phương.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Minh Cường

Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CÁC SỞ, BAN, NGÀNH
THEO BỘ CHỈ SỐ 766 TRÊN CÔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA
(Kèm theo Công văn số /UBND-TTPVHCC ngày /02/2026
của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Các Sở, ban, ngành	Điểm
1	Sở Ngoại vụ	95
2	Sở Xây dựng	93.37
3	Sở Tư pháp	93.13
4	Ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng	91.73
5	Sở Khoa học và Công nghệ	91.61
6	Sở Y tế	91.09
7	Sở Công Thương	90.32
8	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	90.12
9	Sở Tài chính	89.85
10	Sở Nội vụ	89.2
11	Sở Giáo dục và Đào tạo	87.02
12	Sở Nông nghiệp và Môi trường	82.3

Phụ lục II
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CÁC XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU
THEO BỘ CHỈ SỐ 766 TRÊN CÔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA
((Kèm theo Công văn số /UBND-TTPVHCC ngày /02/2026
của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Các xã, phường, đặc khu	Điểm
1	UBND xã Nam Thanh Miện	97.88
2	UBND xã Vĩnh Hòa	97.86
3	UBND xã Vĩnh Thuận	97.84
4	UBND xã Tuệ Tĩnh	97.73
5	UBND xã Chí Minh	97.72
6	UBND xã Tân An	97.71
7	UBND xã Hợp Tiến	97.68
8	UBND xã Hùng Thắng	97.66
9	UBND xã Nguyễn Giáp	97.64
10	UBND xã Hồng Châu	97.64
11	UBND phường Lê Đại Hành	97.62
12	UBND xã Thái Tân	97.62
13	UBND phường Hòa Bình	97.62
14	UBND phường Tứ Minh	97.61
15	UBND xã Nguyễn Lương Bằng	97.59
16	UBND xã Hải Hưng	97.59
17	UBND xã Thượng Hồng	97.58
18	UBND xã Vĩnh Bảo	97.58
19	UBND phường Thạch Khôi	97.56
20	UBND phường Phạm Sư Mạnh	97.56

21	UBND phường Ái Quốc	97.55
22	UBND xã Kiến Minh	97.53
23	UBND xã Tân Kỳ	97.52
24	UBND xã Tứ Kỳ	97.51
25	UBND phường Lê Chân	97.51
26	UBND phường Nhị Chiểu	97.5
27	UBND xã Thanh Hà	97.47
28	UBND xã Cẩm Giang	97.46
29	UBND xã Chấn Hưng	97.45
30	UBND xã Vĩnh Thịnh	97.44
31	UBND xã Nam An Phụ	97.43
32	UBND xã Nam Sách	97.43
33	UBND xã Hà Đông	97.43
34	UBND xã Nghi Dương	97.43
35	UBND xã Bắc Thanh Miện	97.43
36	UBND phường Nam Đồng	97.41
37	UBND xã Gia Lộc	97.41
38	UBND xã Hà Nam	97.4
39	UBND xã Vĩnh Hải	97.4
40	UBND xã Tiên Lãng	97.39
41	UBND xã Gia Phúc	97.39
42	UBND xã Tiên Minh	97.37
43	UBND phường Nam Triệu	97.34
44	UBND phường Nguyễn Trãi	97.34

45	UBND phường Nam Đồ Sơn	97.32
46	UBND phường An Biên	97.32
47	UBND xã Đại Sơn	97.32
48	UBND phường Trần Nhân Tông	97.29
49	UBND xã Lai Khê	97.29
50	UBND xã An Quang	97.23
51	UBND phường Thành Đông	97.22
52	UBND phường An Hải	97.22
53	UBND xã Phú Thái	97.21
54	UBND phường Hưng Đạo	97.14
55	UBND xã Quyết Thắng	97.14
56	UBND phường Đồ Sơn	97.13
57	UBND xã An Phú	97.09
58	UBND xã Đường An	97.08
59	UBND phường Trần Liễu	97.06
60	UBND xã Khúc Thừa Dụ	97.04
61	UBND xã Trần Phú	97.03
62	UBND xã Yết Kiêu	97
63	UBND phường Hồng An	96.89
64	UBND xã Hà Tây	96.81
65	UBND xã An Lão	96.68
66	UBND phường Dương Kinh	96.64
67	UBND phường Hồng Bàng	96.63
68	UBND phường Bắc An Phú	96.63

69	UBND phường An Phong	96.59
70	UBND Đặc khu Cát Hải	96.58
71	UBND phường Việt Hòa	96.53
72	UBND xã An Khánh	96.45
73	UBND xã Kim Thành	96.3
74	UBND phường Lê Thanh Nghị	96.2
75	UBND phường Phù Liễn	96.14
76	UBND phường Ngô Quyền	96.08
77	UBND xã An Thành	96.01
78	UBND phường Thủy Nguyên	95.76
79	UBND phường Trần Hưng Đạo	95.62
80	UBND phường Chí Linh	95.58
81	UBND xã An Hưng	95.52
82	UBND xã Kiến Hưng	95.51
83	UBND phường Bạch Đằng	95.44
84	UBND phường Nguyễn Đại Nãng	95.38
85	UBND phường Tân Hưng	95.33
86	UBND xã Lạc Phụng	95.17
87	UBND phường Gia Viên	95.15
88	UBND phường Kinh Môn	95.1
89	UBND phường Lưu Kiếm	95.03
90	UBND phường Chu Văn An	94.88
91	UBND xã Mao Điền	94.87
92	UBND phường Hải Dương	94.84

93	UBND xã Kiến Thụy	94.82
94	UBND xã Tân Minh	94.74
95	UBND phường An Dương	94.72
96	UBND xã Cẩm Giàng	94.55
97	UBND xã Thanh Miện	94.55
98	UBND xã Bình Giang	94.54
99	UBND xã Vĩnh Lại	94.46
100	UBND xã Kiến Hải	94.42
101	UBND xã An Trường	93.97
102	UBND xã Việt Khê	93.94
103	UBND phường Kiến An	93.93
104	UBND xã Hà Bắc	93.73
105	UBND phường Lê Ích Mộc	93.56
106	UBND xã Kê Sặt	93.21
107	UBND xã Nguyễn Bình Khiêm	92.92
108	UBND phường Đông Hải	92.86
109	UBND phường Hải An	92.77
110	UBND xã Vĩnh Am	92.6
111	UBND xã Trường Tân	92.53
112	UBND phường Thiên Hương	90.75
113	UBND xã Ninh Giang	89.57
114	UBND Đặc khu Bạch Long Vĩ	71.2